

**CÔNG TY TNHH SONG DAN VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SONG DAN VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SONG DAN VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SONG DAN VN

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301207202

**3. Ngày thành lập:** 12/04/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Khu Long Vũ, Phường Đình Bảng, Thành phố Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0976576042

Fax:

Email: lequyen.neu@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa; (Trừ đấu giá)<br>- Môi giới mua bán hàng hóa (trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm)                                                                       | 4610     |
| 2.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                        | 4651     |
| 3.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                         | 4652     |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)                                                                              | 4659     |
| 5.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh; Trừ hợp báo)                    | 8230     |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương Mại 2005);<br>- Đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (Điều 4 Nghị định 38/2018/NĐ-CP) | 8299     |
| 7.  | Hoạt động thư viện và lưu trữ                                                                                                                                                                                                              | 9101     |
| 8.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                      | 6201     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                          | 6202        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                              | 6209        |
| 11. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ chỉnh lý tài liệu, dịch vụ số hóa tài liệu lưu trữ, dịch vụ nghiên cứu, tư vấn, ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ lưu trữ<br>(Khoản 4 Điều 20 Nghị định 01/2013/NĐ-CP) | 6311        |
| 12. | Cổng thông tin<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                    | 6312        |
| 13. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Không bao gồm các dịch vụ tư vấn pháp luật, tư vấn kế toán, tư vấn thuế, tư vấn chứng khoán)                                                                                                                                    | 7020        |
| 14. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                                                                                    | 7212        |
| 15. | Quảng cáo<br>(Trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                     | 7310(Chính) |
| 16. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)                                                                                                                                                       | 7320        |
| 17. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn chuyển giao công nghệ<br>(Khoản 2 Điều 45 Luật chuyển giao công nghệ năm 2017)<br>(Trừ hoạt động tư vấn chứng khoán, hoạt động của các nhà báo độc lập)     | 7490        |
| 18. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại cấm)                                                                                                                                                                                                                          | 4690        |
| 19. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ đầu giá)                                                                                                                                                                                     | 4791        |
| 20. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ đầu giá)                                                                                                                                                                                                | 4799        |
| 21. | Xuất bản phần mềm<br>(Trừ hoạt động xuất bản phẩm)                                                                                                                                                                                                           | 5820        |
| 22. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(Trừ phát hành chương trình truyền hình)                                                                                                                                        | 5913        |
| 23. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động của các điểm truy cập internet                                                                                                                                                                         | 6190        |

|     |                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển | 7730 |
| 25. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                               | 4741 |
| 26. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                             | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
 Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ thường trú: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ liên lạc: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: TRẦN TRỌNG QUANG Giới tính: Nam  
 Chức danh: Giám đốc  
 Sinh ngày: 28/01/1964 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034064005162  
 Ngày cấp: 01/09/2017 Nơi cấp: Cục CS ĐKQL và DLQG về dân cư  
 Địa chỉ thường trú: Thôn Thượng Xuân, Xã Bách Thuận, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam  
 Địa chỉ liên lạc: Số nhà 14/152/56 Phố Tứ Liên, Phường Tứ Liên, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh